

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q.TÂN BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 605/2018/DS -ST

Ngày: 30/10/2018

V/v “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Trần Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Vũ Trung Kiên

2/ Bà Trần Hoàng Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Út – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 398/2016/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2018/QĐST- DS ngày 08 tháng 10 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 259/2018/QĐST- DS ngày 18 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng thương mại cổ phần N

Địa chỉ: 201-203 Đường T, Phường B, Quận D, TP.H

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Tạ Thị Thanh T1 và ông Lê Hoài N1; Cùng địa chỉ: 201-203 Đường T, Phường B, Quận D, TP.H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Giấy ủy quyền số 169/2018/ UQ –NHNA – 06 ngày 06/7/2018). (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1986

Địa chỉ: 62/17 Đường T2, Phường M, quận H1, TP. H. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Tạ Thị Thanh T1 và ông Lê Hoài N1 trình bày:

Ngày 02/8/2016, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Trần Văn C có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức 10.000.000 đồng. Sau khi cấp thẻ tín dụng ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 17.931.936 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông C thanh toán nợ nhưng ông C vẫn không có thiện chí trả nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và khởi kiện yêu cầu ông C phải thanh toán các khoản sau:

- Thẻ master card số 5331470000214282 số tiền nợ gốc là: 8.501.769 đồng; nợ lãi: 3.732.399 đồng.

- Thẻ cash card số 9704280900096031 số tiền nợ gốc 1.850.000 đồng, nợ lãi 877.560 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi của cả 02 thẻ tín dụng trên là 14.961.755 đồng.

Yêu cầu thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai bị đơn ông Trần Văn C trình bày: Vào khoảng tháng 8/2016 ông mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP N, vài tháng sau do mất khả năng thanh toán do lãi suất quá cao. Hiện tại ông đang thất nghiệp, cuộc sống khó khăn nên không có khả năng trả nợ.

Tại phiên tòa:

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu ông Trần Văn C phải trả tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là 14.961.755 đồng.

- Bị đơn ông Trần Văn C vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Xét, đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”. Ông Trần Văn C cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục xét xử trong trường hợp vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Trần Văn C đã được Tòa án đã tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 196, Điều 208, điểm b khoản 2 Điều 227 nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn C phải trả tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến 30/10/2018 là 14.961.755 đồng.

Hội đồng xét xử xác định vào ngày 02/8/2016 giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với các điều khoản thỏa thuận như sau: Hạn mức thẻ tín dụng: 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng. Về lãi suất, phí và quyền và nghĩa vụ sử dụng thẻ theo bản quy định của Ngân hàng. Sau khi cấp thẻ tín dụng ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 17.931.936 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông C thanh toán nợ nhưng ông C vẫn không có thiện chí trả nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và khởi kiện yêu cầu ông C phải thanh toán các khoản sau:

- Thẻ master card số 5331470000214282 số tiền nợ gốc là: 8.501.769 đồng; nợ lãi: 3.732.399 đồng.

- Thẻ cash card số 9704280900096031 số tiền nợ gốc 1.850.000 đồng, nợ lãi 877.560 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi của cả 02 thẻ tín dụng trên là 14.961.755 đồng.

Ông C cũng thừa nhận ông có mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng nhưng do hiện nay ông đang gặp khó khăn về tài chính nên không còn khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi của cả 02 thẻ tín dụng trên là 14.961.755 đồng. Phương thức thanh toán: thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 352.056 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 196, Điều 208, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Điều 280 và Điều 351 Bộ luật dân sự.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Buộc ông Trần Văn C phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền 14.961.755 đồng (Mười bốn triệu chín trăm sáu mươi một ngàn bảy trăm năm mươi lăm đồng).

Thời hạn thanh toán: một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự.

2/ Về án phí:

- Ông Trần Văn C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 748.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

- Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 352.056 (Sáu trăm bảy mươi tám ngàn tám trăm năm mươi đồng) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008807 ngày 07/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Trần Ái Vy